

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 14 - 9 - 2020  
V/v tranh chấp hủy kết hôn trái  
pháp luật

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mùi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Kim Oanh;

Ông Phạm Xuân Hào.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

**- Bị đơn:** Ông Dương Hoàng C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn X - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai bà Lã Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1998, bà và ông Dương Hoàng C có quan hệ tình cảm, tìm hiểu nhau, đến năm 1999 thì không qua lại với nhau nữa. Thời gian tìm hiểu bà có đề nghị ông C đi đăng ký kết hôn, sau đó tự mình ra Ủy ban nhân dân (UBND) xã P gặp cán bộ tư pháp hỏi thủ tục đăng ký kết hôn thì cán bộ tư pháp có hướng dẫn, bà tự kê khai họ tên, năm sinh của bà và ông C, cán bộ tư pháp trả lời bà về suy nghĩ 01 tháng nếu cả hai quyết định kết hôn thì ra xã làm thủ tục. Bà yêu cầu ông C ra xã làm thủ tục nhưng do ông C bận đi làm nên kéo dài thời gian cho đến khi phát hiện có giấy đăng ký kết hôn. Ông C ra xã P yêu cầu hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, bà thống nhất với cách làm này của ông C. Việc ngày tháng năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 19/02/1998 của ông C khác với ngày tháng năm sinh thực tế của ông C do bà là người kê khai họ tên năm sinh của ông C nên bị nhầm lẫn. Ông Dương Hoàng C, sinh năm 1969 trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/1998 và ông Dương Hoàng C, sinh năm 1971 trong chứng minh nhân dân ông C nộp là người mà bà yêu cầu ly hôn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Hoàng C vì không chung sống với nhau, không yêu thương, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trường hợp Tòa án hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thì bà đồng ý. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 031 ngày 08/3/2007 giữa bà Nguyễn Thị N T và ông Dương Hoàng C bà không có ý kiến.

- Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung tên Lã Hoàng Q H, sinh ngày 01/3/1999. Con chung đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Dương Hoàng C trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1998, ông có mối quan hệ tình cảm với bà Lã Thị H, sinh năm 1965, không đăng ký kết hôn. Khoảng cuối năm 1998, ông phát hiện có giấy đăng ký kết hôn với bà H mặc dù ông không đi đăng ký kết hôn. Giấy đăng ký kết hôn do cán bộ tư pháp là ông Nguyễn Ngọc L thực hiện tại UBND xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông có yêu cầu UBND xã P hủy giấy đăng ký kết hôn giữa ông và bà H. Đến năm 2007, ông tự nguyện đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị N T và chung sống với nhau đến tận bây giờ. Giấy đăng ký kết hôn của ông và bà Tuyết cũng do Cán bộ tư pháp là ông Nguyễn Ngọc L hướng dẫn lập hồ sơ tại UBND xã P. Đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/1998 giữa bà Lã Thị H và Dương Hoàng C, sinh năm 1969, nhưng ông là Dương Hoàng C, sinh năm 1971, ông cũng không ký trong Sổ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 1998. Do bà Lã Thị H tự kê khai nên bị sai năm sinh của ông. Dương Hoàng C, sinh năm 1969 trong đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/1998 và Dương Hoàng C, sinh năm 1971 là tôi. Đăng ký kết hôn giữa ông với bà Lã Thị H là không đúng sự thật, ông không tự nguyện quyết định. Ông yêu cầu Tòa án hủy Giấy đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/1998 giữa Dương Hoàng C và bà Lã Thị H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lã Hoàng Q H, sinh năm 1999. Con chung đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại biên bản lấy lời khai: Trường hợp đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/1998 do UBND xã P cấp sai trình tự thủ tục thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông C có thời gian tìm hiểu và phát sinh tình cảm nhưng bị đơn không tự nguyện đăng ký kết hôn. Việc nguyên đơn tự đi đăng ký kết hôn là không đúng trình tự thủ tục. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/1998 giữa ông Dương Hoàng C và bà Lã Thị H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Lã Hoàng Q H, sinh năm 1999. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật. Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp hủy kết hôn trái pháp luật” được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn Lã Thị H và bị đơn Dương Hoàng C có đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/1998 - quyển số 01 TP/HT17 xã P, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé (nay là huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương).

Trên cơ sở lời khai của đương sự, tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất có quan hệ tình cảm với nhau thời gian từ năm 1998 đến đầu năm 1999 thì không qua lại tìm hiểu nữa. Việc kê khai đăng ký kết hôn do nguyên đơn tự đến xã thực hiện. Sổ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thể hiện bị đơn sinh năm 1969 nhưng giấy tờ tùy thân bị đơn sinh năm 1971 nên lời khai nhận của bị đơn việc nguyên đơn tự đi đăng ký nên sai năm sinh của bị đơn là có cơ sở.

Tại Biên bản xác minh ngày 18/6/2020 được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận: Hiện tại Ủy ban nhân dân xã chỉ lưu giữ sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn, hồ sơ đăng ký kết hôn của nguyên đơn, bị đơn không còn lưu trữ. Nguyên đơn, bị đơn có lên xã kê khai đăng ký kết hôn hay không thì địa phương không nắm được do thời gian đã lâu và người khác đảm nhận công việc.

Theo Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: “*Việc kết hôn do nam nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc bên nào, không ai được cưỡng ép hoặc cản trở*”. Tại Điều 9 quy định: “*Việc kết hôn vi phạm một trong các Điều 5, 6, 7 của luật này là trái pháp luật*”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình nguyên đơn, bị đơn tìm hiểu nhau trước khi tiến tới hôn nhân thì nguyên đơn đã tự kê khai đăng ký kết hôn, bị đơn không có mặt, không tự nguyện quyết định là kết hôn trái pháp luật. Nay nguyên đơn, bị đơn yêu cầu hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật nên chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn khai nhận có 01 con chung là Lã Hoàng Q H, sinh năm 1999 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8, 10, 11, 12; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 6, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986;

- Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Lã Thị H và ông Dương Hoàng C theo đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/02/1998. Bà Lã Thị H và ông Dương Hoàng C chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lã Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043245 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (số 11/1998);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mùi**